

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết và quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 28/TTr-SLĐTBXH ngày 07/02/2024, Tờ trình số 33/TTr-SLĐTBXH ngày 01/3/2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

- Hỗ trợ sản xuất phù hợp nguyện vọng và điều kiện thực tiễn địa phương nhằm giúp người nghèo, hộ nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất và mô hình giảm nghèo, có việc làm bền vững, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao mức sống và chất lượng sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các khu vực, các địa phương và các nhóm dân cư; từng bước xã hội hóa công tác giảm nghèo trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nhiệm vụ, nội dung hỗ trợ tại các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (gọi tắt là Chương trình), đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí thực hiện Chương trình, đúng quy định tài chính hiện hành; huy động, lồng ghép thêm nguồn lực trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, tạo sinh kế để hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 0,1-0,2%/năm; chỉ tiêu năm 2024 giảm 500 hộ nghèo (*kèm theo phụ lục phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo các huyện, thị xã, thành phố năm 2024*).

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ

đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nước sạch và vệ sinh, thông tin, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo.

- Các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện theo quy định sẽ được thụ hưởng các Chương trình, dự án giảm nghèo bền vững.

3. Kết quả chủ yếu

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; góp phần hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo.

- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

- Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

III. Nội dung và kinh phí thực hiện Chương trình

Kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024: Khoảng 44.934 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển khoảng 3.699 triệu đồng; vốn sự nghiệp khoảng 41.235 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: khoảng 39.555 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển khoảng 3.699 triệu đồng; vốn sự nghiệp khoảng 35.856 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng (vốn sự nghiệp): Khoảng 5.379 triệu đồng.

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) *Mục tiêu*: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế nhằm hỗ trợ việc làm, sinh kế bền vững phù hợp, tạo ra nhu nhập tốt và ổn định cho các nhóm đối tượng thụ hưởng của Dự án nhằm giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các mô hình giảm nghèo, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 15.786 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 13.727 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 2.059 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Chú trọng thực hiện ở các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, có tiềm năng thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường, có khả năng thu hút các doanh nghiệp hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất bền vững.

c) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 6.903 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 5.568 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 835 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Đối ứng của người dân (nếu có): 500 triệu đồng.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) *Mục tiêu:* Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) *Đối tượng:* Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) *Nội dung hỗ trợ*

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

d) *Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) *Dự kiến kinh phí*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 3.098 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.694 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 404 triệu đồng.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) *Mục tiêu*

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) *Đối tượng:*

+ Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và các cá nhân có liên quan.

c) *Nội dung hỗ trợ*

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực

mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.592 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.254 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 338 triệu đồng.

3.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng: Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung

- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.
- Hỗ trợ giao dịch việc làm.
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 10.222 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 9.371 triệu đồng (5.672 triệu đồng vốn sự nghiệp, 3.699 triệu đồng vốn đầu tư phát triển).

- Ngân sách địa phương: 851 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

- Sản xuất mới các tác phẩm, sản phẩm báo chí, xuất bản sản phẩm truyền thông khác để cung cấp sản phẩm thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) *Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn*: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) *Dự kiến kinh phí*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.086 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 944 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 142 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) *Mục tiêu*: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) *Đối tượng*: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) *Nội dung*

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các Chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.779 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.547 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 232 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Đội ngũ cán bộ, nhân viên các cấp thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ giảm nghèo, cán bộ các hội, đoàn thể); cán bộ, nhân viên, công tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng và các chức sắc tôn giáo tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình giảm nghèo, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) Nội dung

- Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho các nhóm đối tượng của Dự án.

- Chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

- Tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm và tổ chức các hội nghị, hội thảo về giảm nghèo bền vững.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.818 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.450 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 368 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) *Mục tiêu:* Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình tại các địa phương, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đề ra.

b) *Đối tượng:* Các cơ quan chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, các hoạt động thuộc Chương trình; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

c) Nội dung thực hiện

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ để cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

- Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình.

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm, hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định và cập nhật trên phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

d) *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.150 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 150 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

6. Chính sách tín dụng ưu đãi

- Tăng cường sự phối hợp, cung cấp thông tin danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo cho vay đúng đối tượng. Đồng thời nâng cao vai trò của cấp chính

quyền cơ sở (cấp xã) trong phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay hướng dẫn hộ được vay sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục đích và công tác quản lý, thu hồi vốn vay...

- Dự kiến doanh số cho vay hộ nghèo năm 2024 là: 30.100 triệu đồng.
- Dự kiến doanh số cho vay hộ cận nghèo năm 2024 là: 50.900 triệu đồng.
- Dự kiến doanh số cho vay hộ mới thoát nghèo năm 2024 là: 151.900 triệu đồng.

IV. Giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Ngoài kinh phí từ Ngân sách Trung ương phân bổ, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và huy động đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình: Tiếp tục áp dụng nguyên tắc trong quản lý, trình tự xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực, không rơi vào tình trạng nghèo đói. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì thực hiện các nội dung: đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, truyền thông về giảm nghèo đa chiều, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 đảm bảo theo quy định.

3. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 theo quy định..

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Sở Y tế: trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo thông tin; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, xóa mù chữ và tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo; hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế cho người nghèo.

8. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các Sở, ngành và địa phương theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Văn phòng QGGN;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-09).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh